

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN I
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2020/HNGĐ- ST

Ngày: 13/7/2020

V/v "*Không công nhận là vợ chồng*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Rcom Miu

2. Ông: Kpă Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - thư ký Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "*Không công nhận là vợ chồng*," theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Y, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 41 đường H, phường S, thị xã A, tỉnh G. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn P, xã Ia K, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 10 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Y trình bày: Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu T chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do vì quan điểm sống không hòa hợp, không đồng thuận, hiện nay mâu thuẫn trầm trọng hai người đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa, chị đề nghị tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau có 02 con chung tên là Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1988 và Nguyễn Tấn Ngh, sinh năm 1992. Hiện tại các con chị đã thành niên và tự lập được nên chị không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Hữu T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu T trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hữu T có ý kiến cho rằng chị Lê Thị Y bỏ nhà đi lúc 10 giờ ngày 25/3/2018, chị Y ra đi không nói gì với gia đình một tiếng nào và cũng không biết lý do vì sao chị Y lại bỏ đi. Hiện nay chị Y đã không có mặt tại gia đình một thời gian dài. Nay chị Y và anh không ai thuộc về ai và không ai có trách nhiệm gì với ai, mỗi người đã có cuộc sống riêng, hai người không còn liên quan gì tới nhau nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Y yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Hữu T. Vì vậy đây là quan hệ “tranh chấp về hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Bị đơn anh Nguyễn Hữu T có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện I nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện I theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hữu T mặc dù đã được Toà án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và 210 của Bộ luật tố tụng dân sự, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 02, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Vì vậy, Toà án đã đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Toà án đã triệu tập anh T đến để tham gia phiên toà 02 lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều

227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nay, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành mở phiên toà xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hữu T theo luật định.

[2] Xét thấy, về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Hữu T là nam nữ có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Trong quá trình chung sống như vợ chồng chị Y và anh T đã không thực hiện quy định về đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của anh, chị có nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc từ tháng 03 năm 2018 đến nay chị Y và anh T đã không chung sống với nhau nữa, cho nên chị Y đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Hữu T là vợ chồng. Xét yêu cầu của chị Y là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Y. Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Hữu T là quan hệ vợ chồng.

[4] Trong thời gian chung sống với nhau chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Hữu T có với nhau 02 con chung tên là Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1988, Nguyễn Tân Ngh, sinh năm 1992. Hiện tại các con đã thành niên và tự lập được nên chị Y không có yêu cầu gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Lê Thị Y không có yêu cầu nên tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVTH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử : Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Y.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Hữu T.

Về án phí:

Chị Lê Thị Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000259 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I tỉnh G. Chị Lê Thị Y đã nộp đủ

Án xử sơ thẩm công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 13/7/2020). Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Đề yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh G;
- VKSND Huyện IaPa (03 bản);
- THADS Huyện IaPa;
- Các đương sự;
- Lưu H/sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Viết Thịnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- TAND tỉnh G;
- VKSND Huyện IaPa (03 bản);
- THADS Huyện IaPa;
- Các đương sự;
- Lưu H/sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Viết Thịnh

Nơi nhận

-TAND tỉnh G;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND Huyện IaPa (02 bản);
- THADS Huyện IaPa;
- Các đương sự;
- Lưu H/sơ vụ án.

Lê Viết Thịnh

Nơi nhận

- TAND tỉnh G.
- VKSND Huyện IaPa (02 bản)
- THADS Huyện IaPa
- Các đương sự
- Lưu H/sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa